

Bản án số: 74/2020/HS-PT
Ngày: 26-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLPT-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo Trần Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 345/2019/HS-ST ngày 26/12/2019, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh năm 1990, tại tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Buôn Đ1 B, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt N1m; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Đức H, sinh năm 1966 và con bà Lê Thị H1, sinh năm 1967; bị cáo có chồng là Trần Văn N (Đã chết), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến ngày 16/11/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Bích N1 – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 12/11/2019, Trần Thị T đang ở quán cà phê trên đường M, thành phố B thì có Huỳnh Tấn Đ1 là người quen biết trước đó sử dụng số thuê bao 0834207768 được gắn trong chiếc điện thoại di động hiệu IteI,

màu đen, số Imei: 351980101765483, gọi đến số thuê bao 0915656482 được gắn trong chiếc điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 510151600156438 của Trần Thị T để hẹn mua, bán dâm. Huỳnh Tấn Đ1 nói “*Anh với hai đứa bạn đang ở nhà nghỉ Q, em qua đây chơi với bọn anh*”, sau khi nghe vậy thì T đồng ý và dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ, số Imei: 869383035457019 gọi qua ứng dụng Zalo được cài đặt trong điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu hồng, số Imei: 864543033725155 của Trần Thị L, để rủ L cùng đi bán dâm thì L đồng ý. Lúc này, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ, biển số 47E1-367.42, số khung C820JY097272, số máy E3Y8E097276 đón T đến nhà nghỉ Q tại địa chỉ phường E, thành phố B do ông Lê Đức H2 làm chủ để bán dâm.

Khi đến nơi, cả hai lên phòng số 206 thì gặp Huỳnh Tấn Đ1, Lê Thiên B1 và Nguyễn Hoàng L1 đang ở đây, do có 03 khách mua dâm nên T sử dụng phần mềm Messenger được cài đặt trong chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ, số Imei: 869383035457019 gọi cho gái bán dâm tên T1 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) nhưng không liên lạc được. Tiếp đó, T thỏa thuận với khách mua dâm, mỗi lần bán dâm là 500.000 đồng, Đ1, L1, B1 đồng ý và mỗi người lấy ra số tiền 500.000 đồng đưa cho T. T giữ lại số tiền 500.000 đồng tiền bán dâm của mình với Đ1, rồi đưa cho L số tiền 1.000.000 đồng, trong đó 500.000 đồng là tiền để T1 bán dâm cho L1, nếu T1 không đến thì sẽ trả lại cho L1. Lúc này, L nói với Đ1 “*cho bọn em thêm tiền taxi*”, thì Đ1 cho L số tiền 50.000 đồng. Sau đó, T cùng với Đ1 vào phòng số 205 và L cùng với B1 vào phòng số 206 của nhà nghỉ Q để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Còn L1 ở ngoài chờ gái bán dâm tên T1 đến.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đang quan hệ tình dục với Đ1 tại phòng số 205 và L đang quan hệ tình dục với B1 tại phòng số 206, thì Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ tại phòng 205: 02 bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu Pretex, tạm giữ của T 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số Imei: 510151600156438; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu đỏ, số Imei: 869383035457019; số tiền 500.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ, biển số 47E1-367.42, số khung C820JY097272, số máy E3Y8E097276, tạm giữ của Huỳnh Tấn Đ1 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số IMEI: 351980101765483.

Tại phòng 206 tạm giữ: 04 bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu Pretex, tạm giữ của Trần Thị L 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu hồng, số Imei: 864543033725155 và số tiền 2.100.000 đồng, trong đó có 1.050.000 đồng là tiền mua, bán dâm.

Đối với ông Huỳnh Tấn Đ1, ông Lê Thiên B1, ông Nguyễn Hoàng L1, bà Trần Thị L và Trần Thị T là người mua dâm và người bán dâm, Công an thành phố

Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền. Đối với ông Lê Đức H2 là chủ nhà nghỉ Q, ông H2 không biết việc mua bán dâm của những người nêu trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự và đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán dâm tại cơ sở do mình quản lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 345/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 260, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 13/11/2019 đến ngày 16/11/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2019, bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo khoản 1 Điều 328 BLHS đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo, có 02 con nhỏ, chồng chết sớm - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới: Ông nội của bị cáo là người có công với Cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng

biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 345/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Môi giới mại dâm”, thời gian thử thách 18 tháng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Không có ý kiến tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có học vấn thấp, gia đình là hộ cận nghèo, chồng chết sớm để lại 02 con nhỏ cho bị cáo chăm sóc, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết ông Nội của bị cáo là người có công với Cách mạng, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Lời khai của bị cáo Trần Thị T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12/11/2019, bị cáo Trần Thị T đã thực hiện hành vi làm trung gian dẫn dắt để Trần Thị L bán dâm cho Lê Thiên B1 tại nhà nghỉ Q, tại địa chỉ phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, khi những người này đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát hiện và bắt quả tang. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ cận nghèo, có 02 con nhỏ, chồng chết sớm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới: Ông nội của bị cáo là người có công với Cách mạng - là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội và cũng thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 345/2019/HS-ST ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (Chín) tháng tù về tội “*Môi giới mại dâm*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp. B;
- Cơ quan THA hình sự CA Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Đ1, huyện K;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Anh Tuấn